**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN B**
**TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18/11/2024
Về việc: *"Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn D Linh**.
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà: **Nguyễn Thị Tài**.
2. Bà : **Hồ Thị Hồng Liên.**
*E ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thúy** – E ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C.
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh C tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình theo thủ tục thông Eòng thụ lý số 183/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2024 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/10/2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 20/TB-TA ngày 14/11/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân A, sinh năm 1989; địa chỉ: 307A Hàm Nghi, tổ 20, thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Ông Trịnh Ngọc D, sinh năm 1985; địa chỉ: 307A Hàm Nghi, tổ 20, thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh C.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2007 tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh C. Hôn nhân tự nguyện được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục đạo Y Chúa. Trong quá trình chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D không lo làm ăn, quan tâm chăm sóc dạy dỗ con cái, hay bỏ nhà đi có lần đi 2 đến 3 ngày, có lần đi gần 01 năm mới về, không phụ bà A nuôi con. Bà A và ông D đã ly thân gần 01 năm sau đó đã hàn gắn lại với nhau. Hng đến khoảng tháng 05/2024 thì lại phát sinh mâu thuẫn H trước và đã ly thân. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến nhau. Bà A không còn tình cảm với ông D nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà A và ông D có 03 con chung tên Trịnh Nguyễn Quỳnh E, sinh ngày 02/7/2007; Trịnh Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 04/7/2016 và Trịnh Nguyễn

Hoàng Y, sinh ngày 06/7/2009. Khi ly hôn bà A có nguyện vọng được nuôi cả 03 con. Bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án ông D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông D đồng ý với trình bày về quá trình tìm hiểu và kết hôn H bà A trình bày. Về mâu thuẫn thì ông D cho rằng vợ chồng ông chỉ mâu thuẫn nhỏ nhặt, bà A là người hay nói nhiều, ông làm nghề xây dựng nên Eòng đi nhậu nhiều nên bà A hay cằn nhằn dẫn đến ông cảm thấy mệt mỏi và áp lực nên bỏ về nhà mẹ ruột tại tổ 20, thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh C sinh sống. Trong thời gian đó do tính chất công việc xây dựng ngoài thành phố Bảo Lộc nên ông ít khi về nhà. Ông còn tình cảm với bà A và không muốn các con thiếu thốn tình cảm bố mẹ nên ông D không đồng ý ly hôn với bà A.

- Về con chung: Ông D xác nhận vợ chồng có 03 con chung H bà A trình bày. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, các con ông có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng; bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Hng ông sẽ tự cấp dưỡng khi có điều kiện. Trường hợp ông được nuôi con một trong ba cháu thì ông không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho bà A và ông D được ly hôn với nhau, giao con chung cho bà A nuôi dưỡng; do bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết; buộc bà A phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà A và ông D có đơn đề nghị vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông D có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh C ngày 21/8/2007; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

Bà A cho rằng quá trình chung sống với nhau bà và ông D Eòng xuyên cãi nhau, không đồng quan điểm sống và đã sống ly thân; trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Còn ông D cho rằng vợ chồng ông chỉ mâu thuẫn nhỏ nhặt, bà A là người hay nói nhiều, ông làm nghề xây dựng nên Eòng đi nhậu nhiều nên bà A hay cằn nhằn dẫn đến ông cảm thấy mệt mỏi và áp lực nên bỏ về nhà mẹ ruột tại tổ 20, thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh C sinh sống. Trong thời gian đó do tính chất công việc xây dựng ngoài thành phố Bảo Lộc nên ông ít khi về nhà. Ông còn tình cảm với bà A và không muốn các con thiếu thốn tình cảm bố mẹ nên ông D không đồng ý ly hôn với bà A. Tuy nhiên, tại lời khai ngày 31/10/2024 của cháu Trịnh Nguyễn Quỳnh E thể hiện do

ông D chơi bời cờ bạc, đi làm không đưa tiền về nuôi con và phụ giúp vợ, không quan tâm chăm sóc các con. Khi cải nhau thì bỏ đi nhiều ngày, có lần đi cả năm mới về; lần gần nhất năm 2024, sau khi cải nhau ông D bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống cho đến nay, không quan tâm gì đến bà A và các con. Điều này cho thấy hôn nhân của bà A và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp xử cho bà A và ông D được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của các con. Xét thấy trong thời gian ly thân các con sống với bà A vẫn khỏe mạnh và phát triển bình Eờng. Do các con đã đủ 07 tuổi có nguyện vọng tiếp tục được sống với bà A nên cần phải xem xét nguyện vọng của các con. Để không làm sáo trộn môi trường sống của các con nên cần giao các con cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng; bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà A phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khaorn 1 Điều 238; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Eờng vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân A về việc "*Ly hôn*" với ông Trịnh Ngọc D, xử cho bà A và ông D được ly hôn với nhau.

**2. Về con chung:** Giao các cháu Trịnh Nguyễn Quỳnh E, sinh ngày 02/7/2007; cháu Trịnh Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 04/7/2016 và cháu Trịnh Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 06/7/2009 cho bà A nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

*"Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng H việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình."*

**3 Về án phí:** Buộc bà A phải nộp 300.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 7126 ngày 16/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh C (Bà A đã nộp xong).

**4. Về quyền kháng cáo**: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh C xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh C [(2)]

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

- VKS huyện B;
- VKSND tỉnh C;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện B;
- UBND thị trấn Lộc Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn D Linh**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tài** **Hồ Thị Hồng Liên** **Nguyễn D Linh**